

Superior Court of Washington, County of _____
Tòa Thượng Thẩm Washington, Quận _____

In re:

Về việc:

Petitioner/s (person/s who started this case):
(Các) Nguyên Đơn ((những) người đã khởi đầu
vụ án này):

And Respondent/s (other party/parties):
Và (Các) Bị Đơn ((các) đương sự còn lại):

No. _____

Số _____

Order on Motion for Default
Lệnh Kiến Nghị Về Việc Khiếm Diện

[] ORDFL (Granted)
ORDFL (Được chấp nhận)

[] ORDYMT (Denied)
ORDYMT (Bị từ chối)

Clerk's Action Required: 9
Việc Lục Sự Cần Làm: 9

Order on Motion for Default
Lệnh Kiến Nghị Về Việc Khiếm Diện

1. The court has considered the *Motion for Default* filed by (name): _____.
Tòa án đã xem xét Kiến Nghị Về Việc Khiếm Diện đã được nộp bởi (tên): _____

➤ **The Court Finds:**
Tòa Án Nhận Thấy:

2. Response
Phản Hồi

The other party, (name): _____, (check one):
Đương sự còn lại, (tên): _____, (đánh dấu một mục):

[] has **not** filed a *Response* to the *Petition*.
đã **không** nộp Phản Hồi vào Đơn Xin.

[] has filed a *Response* to the *Petition*.
đã nộp Phản Hồi vào Đơn Xin.

3. Notice about the motion **Thông báo về kiến nghị**

The other party (check one):

Đương sự còn lại (đánh dấu một mục):

- ☐ is entitled to notice of the motion because s/he appeared or was served with the *Summons* and *Petition* more than one year ago. (Check one):
có quyền được thông báo về kiến nghị này bởi vì họ đã hiện diện hoặc đã được tổng đạt Lệnh Triệu Tập và Đơn Xin hơn một năm trước đây. (Đánh dấu một mục):
- ☐ Notice was given. The other party was served with the *Motion for Default* and notice of the hearing on (date): _____.
Thông báo đã được đưa ra. Đương sự còn lại đã được tổng đạt Kiến Nghị Về Việc Khiếm Diện và thông báo về phiên xét xử vào (ngày):
- ☐ Notice was not given. The *Motion* should be denied.
Thông báo đã không được đưa ra. Kiến Nghị sẽ bị từ chối.
- ☐ is **not** entitled to notice of the *Motion for Default* because s/he has not filed a *Notice of Appearance*, has not appeared in this case in any other way, AND was served with the *Summons* and *Petition* less than one year ago.
không có quyền được thông báo về Kiến Nghị Về Việc Khiếm Diện bởi vì họ đã không nộp Thông Báo Hiện Diện, đã không hiện diện trong vụ án này theo bất kỳ cách nào khác, VÀ đã được tổng đạt Lệnh Triệu Tập và Đơn Xin cách đây chưa đầy một năm.
- ☐ Notice was given even though it was not required. The other party was served with the *Motion for Default* and notice of the hearing on (date): _____.
Thông báo đã được đưa ra mặc dù không được yêu cầu. Đương sự còn lại đã được tổng đạt Kiến Nghị Về Việc Khiếm Diện và thông báo về phiên xét xử vào (ngày):

4. Service of Summons and Petition **Tổng Đạt Lệnh Triệu Tập và Đơn Xin**

- ☐ The other party was properly served on (date): _____ with a *Summons* and *Petition* for this case and any other documents listed in the proof of service filed with the court.
Đương sự còn lại đã được tổng đạt hợp lệ vào (ngày): _____ với một Lệnh Triệu Tập và Đơn Xin cho vụ án này và bất kỳ văn kiện nào khác được liệt kê trong bằng chứng tổng đạt đã nộp cho tòa án.
- ☐ Valid proof of service has **not** been filed.
Bằng chứng tổng đạt hợp lệ đã không được nộp.

5. Timing and type of service **Thời điểm và hình thức tổng đạt**

- ☐ The other party was served with the *Summons* and *Petition* by (check one):
Đương sự còn lại đã được tổng đạt Lệnh Triệu Tập và Đơn Xin bởi (đánh dấu một mục):
- ☐ personal service in Washington State, at least 21 days ago.
tổng đạt cá nhân trong Tiểu Bang Washington, ít nhất 21 ngày trước đây.

- [] personal service outside of Washington State, at least 61 days ago, because service could not be made within Washington State.
tổng đạt cá nhân bên ngoài Tiểu Bang Washington, ít nhất 61 ngày trước đây, bởi vì việc tổng đạt có thể không được thực hiện trong Tiểu Bang Washington.
- [] mail, at least 91 days ago.
gửi thư, ít nhất 91 ngày trước đây.
- [] publication, at least 61 days ago.
công bố, ít nhất 61 ngày trước đây.
- [] **For a Petition to Modify Child Support Order only:**
Chỉ đối với Kiến Nghị Sửa Đổi Lệnh Cấp Dưỡng Con:
- [] by mail in Washington State. Service was effective at least 21 days ago.
bằng cách gửi thư trong Tiểu Bang Washington. Tổng đạt đã có hiệu lực ít nhất 21 ngày trước đây.
- [] by mail outside of Washington State. Service was effective at least 61 days ago.
bằng cách gửi thư bên ngoài Tiểu Bang Washington. Tổng đạt đã có hiệu lực ít nhất 61 ngày trước đây.
- [] Does not apply. No valid proof of service was filed.
Không áp dụng. Không có bằng chứng tổng đạt hợp lệ nào đã được nộp.

6. Correct Court (venue and jurisdiction)

Tòa Án Phù Hợp (địa điểm và thẩm quyền pháp lý)

- [] A Washington court can decide this case because it has jurisdiction over the case and the parties. This case should be heard in this county court (venue is proper).
Một tòa án Washington có thể quyết định vụ án này bởi vì tòa án có thẩm quyền đối với vụ án và các đương sự. Vụ án này phải được lắng nghe và xét xử tại tòa án quận này (địa điểm thích hợp).
- [] Other (specify): _____
Khác (nêu rõ):

7. Active duty military

Quân nhân tại ngũ

(The **federal** Servicemembers Civil Relief Act covers:

(Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của **liên bang** bao gồm:

- Army, Navy, Air Force, Marine Corps, and Coast Guard members on active duty;
Các thành viên Lục Quân, Hải Quân, Không Quân, Thủy Quân Lục Chiến và Tuần Duyên đang tại ngũ;
- National Guard or Reserve members under a call to active service for more than 30 days in a row;
and
Các thành viên thuộc Lực Lượng Vệ Binh Quốc Gia hoặc Lực Lượng Dự Bị được kêu gọi phục vụ tại ngũ hơn 30 ngày liên tiếp; và
- commissioned corps of the Public Health Service and NOAA.
quân đoàn được ủy quyền của Sở Dịch Vụ Y Tế Công Cộng và NOAA.

The **state** Service Members' Civil Relief Act covers those service members listed above who are either stationed in or residents of Washington state, and their dependents, except for the commissioned corps of the Public Health Service and NOAA.)

Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của **tiểu bang** bảo vệ các thành viên đang tại ngũ đó được liệt kê trên đây đang đóng quân tại hoặc là cư dân của tiểu bang Washington và những người phụ thuộc của họ, ngoại trừ quân đoàn được ủy quyền của Sở Dịch Vụ Y Tế Công Cộng và NOAA.)

[] The other party is **not** covered by the state or federal Servicemembers Civil Relief Act.
*Đương sự còn lại **không** được bảo vệ theo Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của tiểu bang hoặc liên bang.*

[] The other party **is covered** by the state or federal Servicemembers Civil Relief Act.
S/he (check one):

*Đương sự còn lại **được bảo vệ** theo Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của tiểu bang hoặc liên bang. Họ (đánh dấu một mục):*

[] may be defaulted because:

có thể được vắng mặt bởi vì:

- s/he is represented by a lawyer in this case, AND
họ được một luật sư đại diện trong vụ án này, VÀ
- s/he has not filed a Response, AND
họ đã không nộp Phản Hồi, VÀ
- the court has not granted a stay (or any stay previously granted has ended).
tòa án đã không cho phép tạm hoãn (hoặc bất kỳ việc tạm hoãn nào được cho phép nào trước đó đều đã kết thúc).

[] may **not** be defaulted at this time.

*có thể **không** được vắng mặt vào thời điểm này.*

[] The court signed the *Order re Service Members Civil Relief Act* (form FL All Family 170) filed separately.

Tòa án đã ký Lệnh về Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền (mẫu đơn FL Tất cả gia đình 170) được nộp riêng.

[] The court does not have enough information to find whether the other party is covered by the state or federal Servicemembers Civil Relief Act.

Tòa án không có đủ thông tin để nhận thấy việc liệu đương sự còn lại có được bảo vệ theo Đạo Luật Trợ Giúp Quân Nhân Về Dân Quyền của tiểu bang hoặc liên bang hay không.

8. Other findings (if any):

Các phán quyết khác (nếu có):

➤ The Court Orders: Các Lệnh Tòa:

9. The Motion for Default is (check one):

Kiến Nghị Về Việc Khiếm Diện (đánh dấu một mục):

[] **Granted.** The other party, (name): _____, is in default. The court may sign orders and hold hearings in this case without notice to the defaulted party.

Được chấp nhận. Đương sự còn lại, (tên): _____ vắng mặt. Tòa án có thể ký lệnh và tiến hành phiên xét xử trong vụ án này mà không cần thông báo cho đương sự vắng mặt.

[] **Denied.** The other party must still be given copies of documents filed and notice of hearings scheduled in this case.

Bị từ chối. Đương sự còn lại vẫn phải được cung cấp bản sao các văn kiện đã nộp và thông báo về phiên xét xử đã được sắp xếp trong vụ án này.

10. Other orders (if any):
Các lệnh khác (nếu có):

Ordered.
Lệnh.

Date
Ngày

▶ _____
Judge or Commissioner
Thẩm Phán hoặc Ủy Viên

Presented by: [] Petitioner or his/her lawyer [] Respondent or his/her lawyer
Được trình bày bởi: [-] Nguyên Đơn hoặc luật sư của họ [-] Bị Đơn hoặc luật sư của họ

▶ _____
Sign here
Ký ở đây

Print name (and WSBA No., if lawyer)
Tên viết in (và WSBA Số., nếu luật sư)